

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA UBCK NHÀ NƯỚC

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Tên tổ chức : CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ CÔNG VÀNG

- Trụ sở chính : Số 60, phố Giang Văn Minh, phường Đội Cấn, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Điện thoại : (024) - 3222 3000
- Fax : (024) - 3722 6352
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102721191
- Người thực hiện công bố thông tin: Lê Quốc Tuấn
- Điện thoại cơ quan: (024) 3222 3000
- Email: tuấn.le@ggg.com.vn
- Chức vụ: Trưởng ban Pháp chế
- Loại Công bố thông tin: Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại đường dẫn <http://ggg.com.vn/quan-he-co-dong>

Chúng tôi xin cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung thông tin đã công bố.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ CÔNG VÀNG
NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN



LÊ QUỐC TUẤN

Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Cổng Vàng

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020



Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Cổng Vàng

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 44

Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Cổng Vàng

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Cổng Vàng (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0102721191 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 9 tháng 4 năm 2008 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi gần nhất là lần thứ 64 được cấp ngày 27 tháng 2 năm 2020.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là đầu tư và vận hành chuỗi nhà hàng cung cấp dịch vụ ăn uống.

Công ty có trụ sở chính tại số 60, phố Giang Văn Minh, phường Đội Cấn, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có 1 chi nhánh hạch toán độc lập tại tầng 7, TTTM Gigamall, số 240-242 Phạm Văn Đồng, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và 65 chi nhánh hạch toán phụ thuộc tại các tỉnh, thành phố.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Việt Trung	Chủ tịch Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 12 năm 2020 Đến ngày 17 tháng 12 năm 2020
Ông Đào Thế Vinh	Chủ tịch Thành viên	Đến ngày 17 tháng 12 năm 2020 Từ ngày 17 tháng 12 năm 2020
Ông Nguyễn Xuân Trường	Thành viên	
Ông Carl Rodrigues	Thành viên không chuyên trách	
Ông Thomas Lanyi	Thành viên không chuyên trách	

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đào Thế Vinh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Trường	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đào Thế Vinh, Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Cổng Vàng

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Cổng Vàng ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 ("báo cáo tài chính hợp nhất") đề ngày 31 tháng 3 năm 2021.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Đào Thế Vinh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2021



Số tham chiếu: 61147381/22207788

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Cổng Vàng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Cổng Vàng ("Công ty") được lập ngày 31 tháng 3 năm 2021 và được trình bày từ trang 5 đến trang 44, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính riêng đó vào ngày 29 tháng 4 năm 2020.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Thị Tuyết Mai
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1575-2018-004-1

Nguyễn Thu Hằng
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3342-2020-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.077.331.499.872	1.038.137.730.060
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	172.002.738.991	271.329.682.129
111	1. Tiền		172.002.738.991	141.329.682.129
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	130.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	6	206.970.000.000	10.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		206.970.000.000	10.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		222.695.233.779	211.234.380.741
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.1	95.740.971.011	44.839.332.770
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7.2	66.726.649.945	55.553.572.792
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	-	5.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	59.953.367.744	105.733.363.343
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7.1	(556.149.137)	(257.299.999)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		830.394.216	365.411.835
140	IV. Hàng tồn kho	10	410.284.592.491	483.534.120.236
141	1. Hàng tồn kho		410.724.578.421	484.015.449.233
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(439.985.930)	(481.328.997)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		65.378.934.611	62.039.546.954
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	64.239.641.754	58.397.520.572
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.139.292.857	3.642.026.382

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.242.776.236.135	1.117.862.256.047
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		182.834.534.004	164.274.659.587
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	8	18.332.286.516	19.801.887.006
216	2. Phải thu dài hạn khác	9	164.502.247.488	144.472.772.581
220	II. Tài sản cố định		197.682.590.671	169.008.138.749
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	155.286.687.190	162.605.291.369
222	Nguyên giá		339.966.330.969	305.513.056.328
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(184.679.643.779)	(142.907.764.959)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	42.395.903.481	6.402.847.380
228	Nguyên giá		61.515.190.078	18.098.863.174
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(19.119.286.597)	(11.696.015.794)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		66.959.795.791	65.087.047.620
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	66.959.795.791	65.087.047.620
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	15	127.085.055.296	47.093.602.739
251	1. Đầu tư vào công ty con		146.967.360.226	57.853.796.266
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		7.200.000.000	7.200.000.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(27.082.304.930)	(17.960.193.527)
260	V. Tài sản dài hạn khác		668.214.260.373	672.398.807.352
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	668.214.260.373	672.398.807.352
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.320.107.736.007	2.155.999.986.107

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.135.038.261.676	939.474.578.344
310	I. Nợ ngắn hạn		1.135.038.261.676	927.572.212.963
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16.1	363.725.404.984	223.724.018.413
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16.2	4.475.604.807	5.076.337.525
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	46.904.812.535	63.386.895.738
314	4. Phải trả người lao động		186.390.802.014	174.406.261.618
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	36.178.656.387	45.848.655.288
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	19	5.710.161.208	4.817.122.757
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	32.986.456.349	36.451.573.290
320	8. Vay ngắn hạn	21	458.666.363.392	373.861.348.334
330	II. Nợ dài hạn		-	11.902.365.381
338	1. Vay dài hạn	21	-	11.902.365.381
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.185.069.474.331	1.216.525.407.763
410	I. Vốn chủ sở hữu	22.1	1.185.069.474.331	1.216.525.407.763
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		76.341.240.000	76.341.240.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		76.341.240.000	76.341.240.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(71.626.428.562)	(71.626.428.562)
415	3. Cổ phiếu quỹ		(47.145.803.798)	(47.145.803.798)
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.227.500.466.691	1.258.956.400.123
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		1.162.523.205.439	934.164.569.638
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		64.977.261.252	324.791.830.485
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.320.107.736.007	2.155.999.986.107



Ninh Thị Giang
Người lập/Kế toán trưởng



Đào Thế Vinh
Tổng Giám đốc

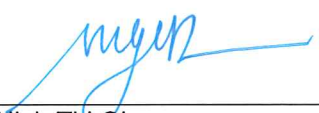
Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2021

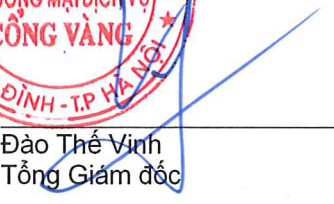
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	4.528.591.936.546	4.711.888.280.958
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	4.528.591.936.546	4.711.888.280.958
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25	(1.836.335.476.080)	(1.833.495.297.076)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.692.256.460.466	2.878.392.983.882
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	7.918.799.033	5.798.206.272
22	7. Chi phí tài chính	26	(30.377.520.463)	(20.652.832.940)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(21.251.113.925)	(14.698.926.473)
25	8. Chi phí bán hàng	27	(2.297.158.130.935)	(2.187.930.317.219)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	(292.958.743.746)	(292.690.557.541)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		79.680.864.355	382.917.482.454
31	11. Thu nhập khác	28	12.980.831.071	30.092.806.401
32	12. Chi phí khác	28	(5.522.685.096)	(8.445.036.540)
40	13. Lợi nhuận khác	28	7.458.145.975	21.647.769.861
50	14. Tổng lợi nhuận trước thuế		87.139.010.330	404.565.252.315
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.1	(22.161.749.078)	(79.773.421.830)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		64.977.261.252	324.791.830.485


Ninh Thị Giang
Người lập/Kế toán trưởng




Đào Thế Vinh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Lợi nhuận trước thuế		87.139.010.330	404.565.252.315
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình		64.353.045.437	48.544.813.210
03	Trích lập/(hoàn nhập) các khoản dự phòng		9.379.617.475	(3.247.009.490)
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư		(95.258.048)	-
05			(7.577.752.875)	5.695.879.147
06	Chi phí lãi vay	26	21.251.113.925	14.698.926.473
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		174.449.776.244	470.257.861.655
09	Tăng các khoản phải thu		(67.775.974.541)	(80.468.260.039)
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho		73.290.869.596	(259.161.073.805)
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		136.370.072.343	(38.360.395.100)
12	Tăng chi phí trả trước		(1.657.574.447)	(140.164.031.128)
14	Tiền lãi vay đã trả		(20.368.871.508)	(52.994.335.500)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	17	(39.169.453.188)	(74.737.459.071)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		255.138.844.499	(175.627.692.988)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(94.235.957.180)	(40.480.833.725)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		1.506.606.117	717.094.307
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(309.040.000.000)	(61.930.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		118.539.600.415	174.788.152.029
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(49.800.000.000)	(35.092.280.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	27.000.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.999.249.970	4.916.250.830
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư		(331.030.500.678)	69.918.383.441

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
32	Tiền mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	(56.000.000)
33	Tiền thu từ đi vay		1.269.768.016.607	888.301.765.411
34	Tiền trả nợ gốc vay		(1.196.865.366.930)	(809.850.069.998)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	22	(96.433.194.684)	(80.717.240.409)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(23.530.545.007)	(2.321.544.996)
50	Giảm tiền thuần trong năm		(99.422.201.186)	(108.030.854.543)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		271.329.682.129	379.360.536.672
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		95.258.048	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	172.002.738.991	271.329.682.129


Ninh Thị Giang
Người lập/Kế toán trưởng


Đào Thế Vinh
Tổng Giám đốc



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Cổng Vàng ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0102721191 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 9 tháng 4 năm 2008 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi gần nhất là lần thứ 64 được cấp ngày 27 tháng 2 năm 2020.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là đầu tư và vận hành chuỗi nhà hàng cung cấp dịch vụ ăn uống.

Chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại số 60, phố Giang Văn Minh, phường Đội Cấn, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có 1 chi nhánh hạch toán độc lập tại tầng 7, TTTM Gigamall, số 240-242 Phạm Văn Đồng, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và 65 chi nhánh hạch toán phụ thuộc tại các tỉnh, thành phố.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 3.995 (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 3.285).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có 8 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 5 công ty con), với thông tin cụ thể như sau:

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Golden Sakura	Hà Nội	99,8%	99,8%	Hoạt động nhà hàng và dịch vụ ăn uống
2	Công ty TNHH Tân Phong - Lại Yên (tên trước đây là Công ty Cổ phần Tân Phong - Lại Yên) (*)	Hà Nội	100%	100%	Sản xuất và chế biến thực phẩm
3	Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Cổng Vàng	Hà Nội	51%	51%	Thiết kế và xây dựng nhà hàng
4	Công ty TNHH Golden Gate Franchise	Hà Nội	100%	100%	Hoạt động nhà hàng và dịch vụ ăn uống
5	Công ty Cổ phần The Concept House	Hà Nội	79%	79%	Hoạt động chuỗi cửa hàng trà sữa
6	Công ty TNHH MTV The Coffee Inn (**)	Hà Nội	100%	100%	Hoạt động nhà hàng và dịch vụ ăn uống
7	Công ty TNHH Đầu tư Tây Hồ - Vĩnh Phúc (tên trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Tây Hồ - Vĩnh Phúc) (*)	Hà Nội	100%	100%	Cho thuê kho nhà xưởng và sản xuất hàng hóa
8	Công ty Cổ phần Golden Gate Red Hots (*) (**)	Hà Nội	100%	100%	Hoạt động nhà hàng và dịch vụ ăn uống

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có 2 công ty liên kết (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 2 công ty liên kết), với thông tin cụ thể như sau:

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH Cổng Vàng Vinh	Nghệ An	36%	36%	Hoạt động nhà hàng và dịch vụ ăn uống
2	Công ty Cổ phần Nội thất Golden Gate (**)	Hà Nội	14,57%	28,57%	Thiết kế và thi công nội thất nhà hàng

(*) Như được trình bày tại Thuyết minh số 4, trong năm 2020, Công ty đã nhận chuyển nhượng 100% tỷ lệ biểu quyết của Công ty Cổ phần Đầu tư Tây Hồ - Vĩnh Phúc, 49% tỷ lệ biểu quyết của Công ty Cổ phần Golden Gate Red Hots và 12% tỷ lệ biểu quyết của Công ty Cổ phần Tân Phong - Lại Yên từ các cổ đông cũ của các công ty này.

(**) Công ty sở hữu các công ty con và công ty liên kết này qua công ty con khác.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2015 – Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định trong Thông tư này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đến ngày 31 tháng 3 năm 2021.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND") và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng* (tiếp theo)

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND").

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê thường xuyên cho hàng tồn kho tại các kho tập trung và kiểm kê định kỳ cho hàng tồn kho tại các nhà hàng để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa, công cụ dụng cụ	- Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền
Thành phẩm	- Chi phí nhân công trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp giá bình quân gia quyền
Hàng hóa	- Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 *Hàng tồn kho* (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu và hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 *Tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc, thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 7 năm
Phần mềm quản lý	3 - 5 năm
Tài sản cố định vô hình khác	3 năm

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng:

- ▶ Chi phí trả trước về thuê cơ sở hạ tầng;
- ▶ Công cụ, dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí sửa chữa, cải tạo nhà hàng; và
- ▶ Các chi phí khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên bảng cân đối kế toán riêng.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014. Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Người mua trả tiền trước

Các khoản tiền khách hàng ứng trước để mua hàng hóa hoặc dịch vụ trong tương lai mà chưa đủ điều kiện để được ghi nhận là doanh thu trong năm được phản ánh trong tài khoản "Người mua trả tiền trước" trong phần nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ cung cấp dịch vụ sẽ được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.17 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là đầu tư và vận hành chuỗi nhà hàng cung cấp dịch vụ ăn uống với toàn bộ doanh thu trong năm phát sinh từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ. Đồng thời, toàn bộ hoạt động kinh doanh dịch vụ của Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về dịch vụ mà Công ty cung cấp hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý và Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

3.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

4.1 *Nhận chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Golden Gate Red Hots*

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020, Công ty đã hoàn thành nhận chuyển nhượng 490.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Golden Gate Red Hots từ cổ đông của công ty này theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 25/2020/HDMBCP ngày 25 tháng 5 năm 2020. Qua đó, Công ty nắm giữ 49% tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần Golden Gate Red Hots tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (31 tháng 12 năm 2019: 0%).

4.2 *Tăng tỷ lệ sở hữu tại Công ty TNHH Tân Phong - Lại Yên*

Vào ngày 11 tháng 11 năm 2020, Công ty đã hoàn thành nhận chuyển nhượng 120.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Tân Phong - Lại Yên từ cổ đông của công ty này theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 09/10/2020/HDMBCP ngày 10 tháng 11 năm 2020. Sau đó, Công ty Cổ phần Tân Phong - Lại Yên đã chuyển đổi hình thức pháp lý và đổi tên thành Công ty TNHH Tân Phong - Lại Yên. Sau các sự kiện này, Công ty nắm giữ 100% tỷ lệ sở hữu tại Công ty TNHH Tân Phong - Lại Yên tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (31 tháng 12 năm 2019: 88%).

Công ty TNHH Tân Phong - Lại Yên được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0104571417 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 2 tháng 4 năm 2010 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 10 cấp ngày 10 tháng 3 năm 2021. Hoạt động kinh doanh chính của công ty là sản xuất và chế biến thực phẩm.

Trụ sở chính của Công ty TNHH Tân Phong - Lại Yên ở Tầng 6, tòa nhà Toyota, số 315 Trường Chinh, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

4.3 *Mua Công ty TNHH Đầu tư Tây Hồ - Vĩnh Phúc*

Ngày 1 tháng 1 năm 2020, Công ty đã hoàn tất việc mua toàn bộ 756.000 cổ phần tương ứng với 100% tỷ lệ biểu quyết của công ty này với giá phí là 77.000.000.000 VND. Theo đó, Công ty đã trở thành công ty mẹ của Công ty Cổ phần Đầu tư Tây Hồ - Vĩnh Phúc. Sau ngày mua, Công ty Cổ phần Đầu tư Tây Hồ - Vĩnh Phúc đã chuyển đổi hình thức pháp lý và đổi tên thành Công ty TNHH Đầu tư Tây Hồ - Vĩnh Phúc.

Công ty TNHH Đầu tư Tây Hồ - Vĩnh Phúc được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 2500233937 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 29 tháng 10 năm 2004 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 8 cấp ngày 2 tháng 7 năm 2020. Hoạt động kinh doanh chính của công ty này là cho thuê kho nhà xưởng và sản xuất hàng hóa.

Trụ sở chính của Công ty TNHH Đầu tư Tây Hồ - Vĩnh Phúc ở Khu Công nghiệp Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

4.4 *Các sự kiện quan trọng khác trong năm*

Dưới tác động tiêu cực của đại dịch COVID-19, hầu hết các nền kinh tế trên thế giới rơi vào tình trạng suy thoái. Điều này có thể dẫn đến những bất ổn và tác động tới môi trường kinh doanh mà Công ty đang hoạt động. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi diễn biến của đại dịch COVID-19 và đánh giá các tác động, ảnh hưởng tài chính tới các khoản dự phòng và các khoản nợ tiềm tàng, đồng thời sử dụng các ước tính, đánh giá khách quan để kiểm soát các rủi ro tài chính có thể có khi đại dịch tiếp tục bùng phát và lan rộng dựa trên các thông tin tốt nhất thu thập được tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	131.193.689	19.737.602.159
Tiền gửi ngân hàng	152.170.538.171	114.725.570.410
Tiền đang chuyển	19.701.007.131	6.866.509.560
Các khoản tương đương tiền	-	130.000.000.000
TỔNG CỘNG	172.002.738.991	271.329.682.129

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	206.970.000.000	206.970.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
TỔNG CỘNG	206.970.000.000	206.970.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000

Đây là khoản tiền gửi bằng VND tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn từ 6 tới 12 tháng và hưởng lãi suất từ 4,75%/năm đến 8,2%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 4,3%/năm đến 9,0%/năm).

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

7.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ các bên khác	76.789.176.093	34.246.724.097
Công ty TNHH Aeon Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	18.203.195.301	6.508.354.172
Công ty TNHH Aeon Việt Nam – Chi nhánh Bình Tân	18.023.623.110	-
Công ty TNHH Aeon Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương	7.739.657.706	3.839.811.646
Công ty TNHH Aeon Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng	3.396.495.130	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Điện tử Quốc tế EBIS	5.353.254.000	-
Công ty TNHH Nước giải khát Coca - Cola Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	1.392.582.876	5.602.440.000
Đối tượng khác	22.680.367.970	18.296.118.279
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	18.951.794.918	10.592.608.673
TỔNG CỘNG	95.740.971.011	44.839.332.770
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(556.149.137)	(257.299.999)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (tiếp theo)

7.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Deco Nam Việt	12.448.000.923	11.600.184.979
Công ty TNHH Takasago Việt Nam	9.085.000.000	9.085.000.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vinh Vượng	6.550.434.280	4.582.963.126
Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	38.643.214.742	30.285.424.687
TỔNG CỘNG	66.726.649.945	55.553.572.792

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Phải thu về cho vay ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	-	5.000.000.000
TỔNG CỘNG	-	5.000.000.000
Dài hạn		
Phải thu về cho vay dài hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	14.749.342.000	16.749.342.000
Phải thu về cho vay các nhân viên khác	3.582.944.516	3.052.545.006
TỔNG CỘNG	18.332.286.516	19.801.887.006

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. PHẢI THU KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Tạm ứng nhân viên	12.906.847.289	19.857.656.100
Phải thu do vi phạm hợp đồng	4.780.000.000	8.160.800.000
Đặt cọc ngắn hạn	2.224.866.919	2.265.244.919
Lãi dự thu của các khoản cho các cổ đông vay	1.753.752.193	468.493.151
Đặt cọc mua cổ phần của Công ty Cổ phần Tân Phong - Lại Yên (i)	-	7.213.563.960
Đặt cọc mua cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Tây Hồ - Vĩnh Phúc (ii)	-	32.000.000.000
Ký quỹ thế chấp cho các khoản vay từ ngân hàng (iii)	15.000.000.000	15.000.000.000
Lãi dự thu tiền gửi	4.538.773.233	1.025.857.050
Phải thu ngắn hạn khác	18.749.128.110	19.741.748.163
TỔNG CỘNG	59.953.367.744	105.733.363.343
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i>	<i>8.429.371.780</i>	<i>14.899.033.353</i>
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>	<i>51.523.995.964</i>	<i>90.834.329.990</i>
Dài hạn		
Đặt cọc thuê địa điểm mở cửa hàng	164.502.247.488	144.472.772.581
TỔNG CỘNG	164.502.247.488	144.472.772.581

- (i) Đây là khoản đặt cọc mua 120.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Tân Phong - Lại Yên do Ông Đào Thế Vinh - Tổng Giám đốc Công ty và Ông Nguyễn Xuân Trường - Phó Tổng Giám đốc Công ty nắm giữ. Trong năm, Công ty đã hoàn tất giao dịch mua này như trình bày tại Thuyết minh số 4.
- (ii) Đây là khoản đặt cọc mua toàn bộ cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Tây Hồ - Vĩnh Phúc theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần đề ngày 31 tháng 12 năm 2019. Trong năm, Công ty đã hoàn tất giao dịch mua này như trình bày tại Thuyết minh số 4.
- (iii) Khoản ký quỹ 15.000.000.000 VND tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam đã được thế chấp cho khoản vay ngắn hạn của Công ty tại ngân hàng này như được trình bày tại Thuyết minh số 21.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang				
đi đường	128.906.786.903	-	36.663.553.693	-
Nguyên vật liệu	192.410.864.277	-	355.678.510.850	-
Công cụ, dụng cụ	44.343.617.608	(439.985.930)	54.975.823.074	(481.328.997)
Thành phẩm	33.073.714.708	-	25.540.566.404	-
Hàng hóa	11.989.594.925	-	11.156.995.212	-
TỔNG CỘNG	410.724.578.421	(439.985.930)	484.015.449.233	(481.328.997)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	481.328.997	297.947.034
Cộng: Trích lập dự phòng trong năm	-	183.381.963
Trừ: Sử dụng trong năm	(41.343.067)	-
Số cuối năm	439.985.930	481.328.997

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	22.680.904.668	17.462.686.698
Chi phí thuê	27.421.083.004	32.506.427.150
Chi phí khác	14.137.654.082	8.428.406.724
TỔNG CỘNG	64.239.641.754	58.397.520.572
Dài hạn		
Chi phí sửa chữa, cải tạo nhà hàng	513.971.431.628	541.286.552.277
Công cụ, dụng cụ	144.261.158.899	121.053.882.319
Chi phí thuê	1.139.471.416	2.093.961.358
Chi phí nhượng quyền	2.921.108.722	3.108.093.924
Chi phí khác	5.921.089.708	4.856.317.474
TỔNG CỘNG	668.214.260.373	672.398.807.352

Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Cổng Vàng

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá:				Tổng cộng
Số đầu năm	258.787.030.142	11.331.169.535	35.394.856.651	305.513.056.328
- Mua trong năm	46.251.634.132	796.179.365	70.781.818	47.118.595.315
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	2.419.844.094	527.600.000	-	2.947.444.094
- Thanh lý, nhượng bán	(14.148.328.799)	(554.394.000)	(910.041.969)	(15.612.764.768)
Số cuối năm	293.310.179.569	12.100.554.900	34.555.596.500	339.966.330.969
Trong đó:				
Đã khấu hao hết	46.741.969.530	1.215.140.583	4.417.255.501	52.374.365.614
Giá trị khấu hao lũy kế:				
Số đầu năm	132.082.767.236	4.414.563.366	6.410.434.357	142.907.764.959
- Khấu hao trong năm	47.966.152.253	1.694.064.172	5.972.291.676	55.632.508.101
- Thanh lý, nhượng bán	(12.512.571.747)	(438.015.565)	(910.041.969)	(13.860.629.281)
Số cuối năm	167.536.347.742	5.670.611.973	11.472.684.064	184.679.643.779
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	126.704.262.906	6.916.606.169	28.984.422.294	162.605.291.369
Số cuối năm	125.773.831.827	6.429.942.927	23.082.912.436	155.286.687.190

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Phần mềm quản lý	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm	16.788.863.174	1.310.000.000	18.098.863.174
- Mua trong năm	7.183.700.936	-	7.183.700.936
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	37.529.892.501	-	37.529.892.501
- Thanh lý, nhượng bán	(1.297.266.533)	-	(1.297.266.533)
Số cuối năm	60.205.190.078	1.310.000.000	61.515.190.078
Trong đó:			
Đã hao mòn hết	9.821.147.399	1.310.000.000	11.131.147.399
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Số đầu năm	10.786.293.569	909.722.225	11.696.015.794
- Hao mòn trong năm	8.320.259.561	400.277.775	8.720.537.336
- Thanh lý, nhượng bán	(1.297.266.533)	-	(1.297.266.533)
Số cuối năm	17.809.286.597	1.310.000.000	19.119.286.597
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	6.002.569.605	400.277.775	6.402.847.380
Số cuối năm	42.395.903.481	-	42.395.903.481

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Văn phòng Gigamall	10.931.497.262	5.678.764.039
Nhà hàng Hutong Aeon Bình Tân	10.381.057.276	-
Nhà hàng Sumo BBQ Cao Thắng	9.357.311.494	-
Nhà hàng Hutong Nguyễn Trãi	9.353.190.815	-
Dự án cải tạo hệ thống xử lý xả thải kho trung tâm	9.328.629.247	-
Dự án phần mềm SAP	-	19.317.411.736
Dự án khác	17.608.109.697	40.090.871.845
TỔNG CỘNG	66.959.795.791	65.087.047.620

Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Cổng Vàng

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm			Số đầu năm			Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	
Đầu tư vào công ty con							
Công ty TNHH Đầu tư Tây Hồ - Vĩnh Phúc	77.000.000.000	(765.340.800)	(*)	-	-	(*)	(*)
Công ty Cổ phần Golden Sakura	5.979.740.426	(3.894.259.114)	(*)	5.979.740.426	(3.994.812.945)	(*)	(*)
Công ty TNHH Tân Phong - Lại Yên	40.067.819.800	(6.614.383.896)	(*)	32.854.255.840	(5.708.936.277)	(*)	(*)
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Cổng Vàng	1.530.000.000	-	(*)	1.530.000.000	-	(*)	(*)
Công ty TNHH Golden Gate Franchise	10.000.000.000	(4.288.171.286)	(*)	10.000.000.000	(2.448.035.363)	(*)	(*)
Công ty Cổ phần The Concept House	7.489.800.000	(6.620.149.834)	(*)	7.489.800.000	(5.808.408.942)	(*)	(*)
Công ty Cổ phần Golden Gate Red Hots	4.900.000.000	(4.900.000.000)	(*)	-	-	(*)	(*)
TỔNG CỘNG	146.967.360.226	(27.082.304.930)		57.853.796.266	(17.960.193.527)		

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty TNHH Cổng Vàng Vinh	7.200.000.000	-	(*)	7.200.000.000	-	(*)
TỔNG CỘNG	7.200.000.000	-		7.200.000.000	-	

(*) Do cổ phiếu của các công ty cổ phần này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc là vì công ty trách nhiệm hữu hạn Công ty không thể xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

16.1 Phải trả người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán	341.381.900.183	341.381.900.183	220.546.218.806	220.546.218.806
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	22.343.504.801	22.343.504.801	3.177.799.607	3.177.799.607
TỔNG CỘNG	363.725.404.984	363.725.404.984	223.724.018.413	223.724.018.413

16.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Voucher khuyến mãi không điều kiện	3.742.227.649	-
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí	313.573.245	-
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Thăng Hiên	250.000.000	-
Công ty TNHH Vietnam Brewery	-	3.852.477.032
Công ty Cổ phần Dịch vụ Di động Trực tuyến	-	1.003.206.610
Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	169.803.913	220.653.883
TỔNG CỘNG	4.475.604.807	5.076.337.525

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Số phát sinh trong năm	Số đã nộp/cần trừ trong năm	Số cuối năm
Thuế phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	23.252.957.479	526.921.821.031	(522.056.346.168)	28.118.432.342
Thuế thu nhập doanh nghiệp	32.923.349.083	22.161.749.078	(39.169.453.188)	15.915.644.973
Thuế thu nhập cá nhân	5.847.485.011	17.284.905.085	(21.034.045.744)	2.098.344.352
Các loại thuế khác	1.363.104.165	16.984.257.925	(17.574.971.222)	772.390.868
TỔNG CỘNG	63.386.895.738	583.352.733.119	(599.834.816.322)	46.904.812.535

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí lãi vay	1.628.113.656	745.871.239
Chi phí điện, nước	4.641.312.748	8.195.796.087
Chi phí xây dựng nhà hàng	10.854.007.073	16.215.904.119
Chi phí nhượng quyền	3.356.927.971	2.163.722.039
Chi phí thuê	2.618.804.547	2.083.593.592
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	13.079.490.392	16.443.768.212
TỔNG CỘNG	36.178.656.387	45.848.655.288

19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Doanh thu từ chương trình khách hàng truyền thống	5.710.161.208	4.817.122.757
TỔNG CỘNG	5.710.161.208	4.817.122.757

20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải trả về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	27.664.606.844	26.805.867.733
Đặt cọc, ký quỹ	3.172.817.808	2.913.680.684
Phải trả ngắn hạn khác	2.149.031.697	6.732.024.873
TỔNG CỘNG	32.986.456.349	36.451.573.290

Trong đó:

Phải trả ngắn hạn khác từ các bên liên quan
(Thuyết minh số 31)

Phải trả ngắn hạn khác

1.287.800.009	745.871.239
31.698.656.340	35.705.702.051

Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Cổng Vàng

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VAY VÀ NỢ

Thuyết minh		Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn								
	21.1	341.485.115.510	341.485.115.510	1.269.768.016.607	(1.171.639.134.106)	439.613.998.011	439.613.998.011	
	21.2	25.226.232.824	25.226.232.824	11.902.365.381	(25.226.232.824)	11.902.365.381	11.902.365.381	
	31	7.150.000.000	7.150.000.000	-	-	7.150.000.000	7.150.000.000	
TỔNG CỘNG		373.861.348.334	373.861.348.334	1.281.670.381.988	(1.196.865.366.930)	458.666.363.392	458.666.363.392	
Vay dài hạn								
	21.2	11.902.365.381	11.902.365.381	-	(11.902.365.381)	-	-	
TỔNG CỘNG		11.902.365.381	11.902.365.381	-	(11.902.365.381)	-	-	

Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Cổng Vàng

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VAY VÀ NỢ (tiếp theo)

21.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	96.373.270.291	Thời hạn cho vay của từng khoản là 5 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi vay được trả vào ngày 26 hàng tháng. Gốc vay trả vào cuối kỳ.	4,7%	Hợp đồng cầm cố tiền gửi số 06.20.2020.0170 trị giá 15.000.000.000 VND.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam	243.240.727.737	Thời hạn cho vay của từng khoản là 4 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi vay được trả vào ngày mùng một (01) hàng tháng. Gốc vay trả vào cuối kỳ.	4,6% - 4,7%	250.000 cổ phần của Công ty được nắm giữ bởi Công ty Cổ phần Golden Gate Partners.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	99.999.999.983	Thời hạn cho vay của từng khoản là 4 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi vay được trả hàng tháng. Gốc vay trả vào cuối kỳ.	5,0% - 5,8%	Quyền tài sản của Công ty TNHH Đầu tư Tây Hồ - Vĩnh Phúc, một công ty con của Công ty phát sinh từ hợp đồng cho thuê lại đất trong khu công nghiệp đối với bất động sản là thửa đất số 868, tờ bản đồ số 33, khu công nghiệp Quang Minh, xã Quang Minh, Mê Linh, Vĩnh Phúc.

TỔNG CỘNG

439.613.998.011

Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Cổng Vàng

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VAY VÀ NỢ (tiếp theo)

21.2 Các khoản vay ngân hàng dài hạn

Chi tiết khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	11.902.365.381	Thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên, tiền lãi được trả hàng tháng.	7,5% 500.000 cổ phần của Công ty được nắm giữ bởi Công ty Cổ phần Golden Gate Partners.	
TỔNG CỘNG	11.902.365.381			
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả	11.902.365.381			
Vay dài hạn	-			

Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Cổng Vàng

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND Tổng cộng
Năm trước					
Số đầu năm	76.341.240.000	16.002.919.800	(134.219.152.160)	1.014.881.810.047	973.006.817.687
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	324.791.830.485	324.791.830.485
- Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	(80.717.240.409)	(80.717.240.409)
- Cổ phiếu quỹ mua lại trong năm 2019 – Cổ phiếu phổ thông	-	-	(500.000.000)	-	(500.000.000)
- Cổ phiếu quỹ mua lại trong năm 2019 – Cổ phiếu ưu đãi	-	-	(56.000.000)	-	(56.000.000)
- Cổ phiếu quỹ tái phát hành theo ESOP	-	(87.629.348.362)	87.629.348.362	-	-
Số cuối năm	76.341.240.000	(71.626.428.562)	(47.145.803.798)	1.258.956.400.123	1.216.525.407.763
Năm nay					
Số đầu năm	76.341.240.000	(71.626.428.562)	(47.145.803.798)	1.258.956.400.123	1.216.525.407.763
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	64.977.261.252	64.977.261.252
- Chia cổ tức bằng tiền (*)	-	-	-	(96.433.194.684)	(96.433.194.684)
Số cuối năm	76.341.240.000	(71.626.428.562)	(47.145.803.798)	1.227.500.466.691	1.185.069.474.331

(*) Công ty đã thực hiện chia cổ tức bằng tiền mặt cho cổ đông hiện hữu từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2019 theo Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐQT ngày 18 tháng 8 năm 2020, Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐQT ngày 22 tháng 9 năm 2020, Nghị quyết số 21/2020/NQ-HĐQT ngày 22 tháng 11 năm 2020 của Hội đồng Quản trị của Công ty.

Trong năm 2020, Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu thường từ nguồn cổ phiếu quỹ năm 2019 và phát hành mới theo Chương trình Sở hữu cổ phần Nhân viên ("ESOP") 2019-2023 theo Nghị quyết số 02/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 12 năm 2020. Vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Công ty chưa phát hành các cổ phiếu thường kể trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng cộng	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng cộng
Công ty Cổ phần Golden Gate Partners	3.375.690	-	3.375.690	3.375.690	-	3.375.690
Công ty TNHH Prosperity Food Concepts	2.513.153	-	2.513.153	2.894.859	-	2.894.859
Ông Đào Thế Vinh	782.597	-	782.597	399.273	-	399.273
Ông Trần Việt Trung	337.891	-	337.891	337.891	-	337.891
Ông Nguyễn Xuân Tường	304.115	-	304.115	304.115	-	304.115
Các cổ đông khác	263.876	-	263.876	276.345	-	276.345
Cổ phiếu quỹ (*)	56.802	-	56.802	45.951	-	45.951
TỔNG CỘNG	7.634.124	-	7.634.124	7.634.124	-	7.634.124

(*) Trong năm 2020, Công ty đã tiến hành thu hồi 10.851 cổ phiếu phổ thông thuộc sở hữu của các cổ đông là các nhân viên đã nghỉ việc tại Công ty sở hữu thông qua Chương trình Sở hữu cổ phần Nhân viên ("ESOP"). Công ty không phải thanh toán cho những cổ phiếu thu hồi này.

22.3 Cổ tức

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã công bố và đã trả trong năm		
Cổ tức trả bằng tiền cho năm 2018: VND 10.573/cổ phiếu	-	80.717.240.409
Cổ tức trả bằng tiền cho năm 2019: VND 12.631/cổ phiếu	96.433.194.684	-
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 31 tháng 12	-	-

22.4 Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Số lượng	Số lượng
Cổ phiếu đăng ký phát hành	7.634.124	7.634.124
Cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.634.124	7.634.124
Cổ phiếu phổ thông	7.634.124	7.634.124
Cổ phiếu quỹ	56.802	45.951
Cổ phiếu phổ thông	56.802	45.951
Cổ phiếu đang lưu hành	7.577.322	7.588.173
Cổ phiếu phổ thông	7.577.322	7.588.173

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 10.000 VND/cổ phiếu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ		
Đô la Mỹ – USD	8.779	48.626

24. DOANH THU

24.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán thực phẩm và đồ uống	4.528.591.936.546	4.711.888.280.958
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	4.528.591.936.546	4.711.888.280.958
Trong đó:		
Doanh thu với bên khác	4.509.027.930.801	4.689.954.162.657
Doanh thu với bên liên quan (Thuyết minh số 31)	19.564.005.745	21.934.118.301

24.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi dự thu	329.155.376	397.311.781
Lãi tiền gửi, cho vay	7.494.126.869	5.384.743.981
Doanh thu hoạt động tài chính khác	95.516.788	16.150.510
TỔNG CỘNG	7.918.799.033	5.798.206.272

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thực phẩm và đồ uống đã bán	1.836.335.476.080	1.833.495.297.076
TỔNG CỘNG	1.836.335.476.080	1.833.495.297.076

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	21.251.113.925	14.698.926.473
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	9.122.111.404	2.184.752.720
Lỗ thuần do thanh lý đầu tư tại Công ty Cổ phần Cà phê Golden Beans	-	3.755.335.828
Chi phí tài chính khác	4.295.134	13.817.919
TỔNG CỘNG	30.377.520.463	20.652.832.940

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân công	839.937.727.787	782.147.560.182
Chi phí khấu hao tài sản cố định	43.121.270.290	36.920.521.521
Chi phí thuê cửa hàng	532.860.725.214	526.839.527.094
Chi phí dịch vụ mua ngoài	271.955.446.586	212.366.290.396
Vật liệu, công cụ dụng cụ	211.967.934.157	200.797.165.383
Phân bổ chi phí sửa chữa và nâng cấp nhà hàng	239.413.960.246	210.535.190.549
Chi phí marketing	48.965.348.680	69.612.007.963
Chi phí bán hàng khác	108.935.717.975	148.712.054.131
TỔNG CỘNG	2.297.158.130.935	2.187.930.317.219
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân công	153.978.670.237	165.975.955.772
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.430.688.931	5.382.178.538
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.005.143.891	20.451.056.342
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	88.544.240.687	100.881.366.889
TỔNG CỘNG	292.958.743.746	292.690.557.541

28. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	12.980.831.071	30.092.806.401
Tài trợ từ các chiến dịch khuyến mãi của nhà cung cấp	2.955.831.743	6.613.247.147
Tiền phạt vi phạm hợp đồng xây dựng từ nhà thầu xây dựng	-	4.540.000.000
Xử lý tài sản thừa sau kiểm kê	2.650.738.195	3.327.412.860
Thu nhập từ nhượng quyền	3.242.323.890	3.625.565.320
Thu nhập khác	4.131.937.243	11.986.581.074
Chi phí khác	5.522.685.096	8.445.036.540
Xóa sổ các chi phí trả trước của các nhà hàng đã ngừng hoạt động	2.224.288.319	3.347.234.759
Lỗ do thanh lý tài sản	245.529.370	1.885.954.909
Hoàn trả tài trợ cho các nhà hàng ngừng hoạt động	-	1.499.990.984
Chi phí khác	3.052.867.407	1.711.855.888
LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN	7.458.145.975	21.647.769.861

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu	1.555.691.838.573	1.746.036.770.184
Chi phí nhân công	1.035.233.257.754	999.482.208.862
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	64.353.045.437	48.544.813.210
Chi phí thuê cửa hàng	532.860.725.214	526.839.527.094
Phân bổ chi phí sửa chữa và nâng cấp nhà hàng	239.660.996.057	210.535.190.549
Chi phí marketing	48.965.348.680	69.612.007.963
Chi phí dịch vụ mua ngoài	344.438.148.577	262.703.082.652
Chi phí khác	340.000.158.517	463.259.300.348
TỔNG CỘNG	4.161.203.518.809	4.327.012.900.862

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

30.1 Chi phí thuế TNDN

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	22.161.749.078	79.773.421.830
TỔNG CỘNG	22.161.749.078	79.773.421.830

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	87.139.010.330	404.565.252.315
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	17.427.802.066	80.913.050.463
Các khoản điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ thuế	340.578.078	77.295.043
Thuế TNDN trích thiếu/(thừa) năm trước	2.398.722.358	(1.402.774.316)
Các khoản điều chỉnh khác	-	185.850.640
Điều chỉnh trích lập dự phòng công ty con từ ngày mua	852.614.334	-
Điều chỉnh tăng thuế TNDN do ghi nhận doanh thu chưa thực hiện	1.142.032.242	-
Chi phí thuế TNDN	22.161.749.078	79.773.421.830

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế.

Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty TNHH Cổng Vàng Vinh	Công ty liên kết	Doanh thu bán và cung cấp dịch vụ	13.858.553.898	13.666.116.309
		Mua hàng và dịch vụ	78.041.842	28.399.514
		Thu nhập từ phí nhượng quyền	2.703.163.143	2.718.115.535
Công ty Cổ phần Golden Gate Red Hots	Công ty con	Doanh thu bán và cung cấp dịch vụ	-	956.821.526
		Chuyển nhượng công cụ dụng cụ, tài sản cố định	8.340.393.067	-
		Chuyển nhượng thương hiệu	5.296.988.890	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Cổng Vàng	Công ty con	Mua hàng và dịch vụ	18.530.729.768	24.554.486.705
Công ty TNHH Golden Gate Franchise	Công ty con	Lãi vay	234.871.234	228.000.003
Công ty TNHH Tân Phong - Lại Yên	Công ty con	Lãi vay	207.057.536	201.000.001
Công ty Cổ phần The Concept House	Công ty con	Mua hàng và dịch vụ	47.353.850	966.242.757
		Thu nhập từ phí quản lý	636.000.000	636.000.000
		Phí nhượng quyền phải trả	1.641.917.225	618.827.040
		Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.705.451.847	7.311.180.466
Công ty Cổ phần Cà phê Golden Beans	Công ty con	Góp vốn	-	3.092.280.000
		Thanh lý đầu tư	-	36.591.980.000
Công ty Cổ phần Golden Gate Partners	Cổ đông lớn	Chia cổ tức	42.917.397.339	35.901.351.277
Công ty TNHH Prosperity Foods Concept	Cổ đông chính	Chia cổ tức	31.951.389.457	30.787.587.088

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm: (tiếp theo)

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Ông Đào Thế Vinh	Cổ đông sáng lập	Chia cổ tức	9.937.039.986	4.246.369.598
		Nhận chuyển nhượng cổ phần tại Công ty con	3.606.781.980	-
Ông Nguyễn Xuân Tường	Cổ đông sáng lập	Chia cổ tức	3.866.416.731	3.234.343.578
		Nhận chuyển nhượng cổ phần tại Công ty con	3.606.781.980	-
		Cho vay	-	5.000.000.000
		Lãi dự thu từ khoản cho cổ đông sáng lập vay	-	397.311.781
Ông Trần Việt Trung	Cổ đông sáng lập	Chia cổ tức	4.295.833.536	3.593.559.758

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty mua và bán hàng, dịch vụ với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Ngoại trừ khoản phải thu về cho vay và đi vay có lãi suất, số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty do các khoản này còn trong hạn thanh toán (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 7.1)</i>				
Công ty Cổ phần The Concept House	Công ty con	Bán hàng	3.630.801.698	4.930.893.066
Công ty Cổ phần Golden Gate Red Hots	Công ty con	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	13.849.156.791	4.113.449.861
Công ty TNHH Cổng Vàng Vinh	Công ty liên kết	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.471.836.429	1.548.265.746
TỔNG CỘNG			18.951.794.918	10.592.608.673

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc năm kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<i>Phải thu khác (Thuyết minh số 9)</i>				
Ông Đào Thế Vinh	Cổ đông sáng lập	Đặt cọc mua cổ phần Phải thu về lãi cho vay	- 26.000.000	3.606.781.980 -
Ông Nguyễn Xuân Tường	Cổ đông sáng lập	Đặt cọc mua cổ phần Phải thu về lãi cho vay Phải thu khác	- - -	3.606.781.980 468.493.151 3.300.938.568
Công ty Cổ phần Quince Việt Nam	Công ty đồng kiểm soát	Phải thu khác	-	280.770.000
Công ty Cổ phần Golden Gate Red Hots	Công ty con	Phải thu khác	4.450.000.000	-
Công ty Cổ phần The Concept House	Công ty con	Phải thu khác	1.896.137.803	3.463.183.165
Công ty TNHH Tân Phong - Lại Yên	Công ty con	Phải thu khác	36.804.391	14.884.391
Công ty TNHH MTV The Coffee Inn	Công ty con gián tiếp	Phải thu khác	19.884.391	14.884.391
Công ty TNHH Golden Gate Franchise	Công ty con	Phải thu khác	22.009.391	17.009.391
Công ty Cổ phần Golden Gate Partners	Cổ đông lớn	Phải thu khác Phải thu về lãi cho vay	51.884.391 1.753.752.193	46.884.391 -
Công ty Cổ phần thực phẩm W&E	Công ty đồng kiểm soát	Phải thu khác	157.637.696	72.651.877
Công ty TNHH Cổng Vàng Vinh	Công ty liên kết	Phải thu khác	15.261.524	5.770.068
TỔNG CỘNG			8.429.371.780	14.899.033.353

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND				
Bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Năm nay	Năm trước
Các khoản cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 8)				
Ông Nguyễn Xuân Tường	Cổ đông sáng lập	Cho vay	-	5.000.000.000
TỔNG CỘNG			-	5.000.000.000
Các khoản cho vay dài hạn (Thuyết minh số 8)				
Công ty Cổ phần Golden Gate Partners (*)	Cổ đông lớn	Cho vay	14.749.342.000	16.749.342.000
TỔNG CỘNG			14.749.342.000	16.749.342.000

(*) Đây là khoản Công ty cho Công ty Cổ phần Golden Gate Partners vay theo thỏa thuận cho vay không tài sản đảm bảo số 01/2018/HĐV-GGP ngày 17 tháng 12 năm 2018. Mục đích của khoản cho vay là để thanh toán phí tư vấn liên quan đến khoản vay của Công ty và Công ty Cổ phần Golden Gate Partners với Công ty TNHH Đầu tư Yellow star 1. Lãi suất của khoản vay là 6%/năm. Thời hạn trả gốc và lãi vay là 60 tháng kể từ ngày 15 tháng 1 năm 2019.

Đơn vị tính: VND				
Bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Năm nay	Năm trước
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 16.1)				
Công ty Cổ phần Golden Gate Red Hots	Công ty con	Phải trả mua hàng hóa, dịch vụ	17.515.614.653	-
Công ty Cổ phần Golden Gate Partners	Cổ đông lớn	Phải trả mua hàng hóa, dịch vụ	3.024.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Cổng Vàng	Công ty con	Phải trả mua hàng hóa, dịch vụ	1.803.890.148	2.518.483.815
Công ty Cổ phần Golden Sakura	Công ty con	Phải trả mua hàng hóa, dịch vụ	-	659.315.792
TỔNG CỘNG			22.343.504.801	3.177.799.607
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 20)				
Công ty TNHH Tân Phong - Lại Yên	Công ty con	Lãi vay trích trước phải trả	318.057.537	111.000.001
Công ty TNHH Golden Gate Franchise	Công ty con	Lãi vay trích trước phải trả	869.742.472	634.871.238
Ông Nguyễn Xuân Tường	Cổ đông sáng lập	Phải trả mua lại cổ phần Công ty Cổ phần Golden Gate Red Hots	100.000.000	-
TỔNG CỘNG			1.287.800.009	745.871.239

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc năm kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Vay ngắn hạn từ bên liên quan (Thuyết minh số 21)

Bên cho vay	Mối quan hệ	Số cuối năm	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Công ty TNHH Tân Phong - Lại Yên	Công ty con	3.350.000.000	Thời hạn khoản vay là 1 năm kể từ ngày của Thỏa thuận vay, sau đó sẽ tự động gia hạn hằng năm theo Phụ lục hợp đồng vay ngày 20 tháng 1 năm 2018.	6%	Tín chấp
Công ty TNHH Golden Gate Franchise	Công ty con	3.800.000.000	Thời hạn khoản vay là 1 năm kể từ ngày của Thỏa thuận vay, sau đó sẽ tự động gia hạn hằng năm theo Phụ lục hợp đồng vay ngày 1 tháng 6 năm 2018.	6%	Tín chấp

TỔNG CỘNG 7.150.000.000

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT") và Ban Tổng Giám đốc:

Đơn vị tính: VND

Tên	Chức vụ	Thu nhập	
		Năm nay	Năm trước
Ông Trần Việt Trung	Chủ tịch HĐQT	20.333.000	10.000.000
Ông Đào Thế Vinh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1.044.970.000	3.209.440.000
Ông Nguyễn Xuân Tường	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	461.890.000	1.694.920.000
Ông Carl Rodrigues	Thành viên HĐQT không chuyên trách	-	-
Ông Thomas Lanyi	Thành viên HĐQT không chuyên trách	-	-
TỔNG CỘNG		<u><u>1.527.193.000</u></u>	<u><u>4.914.360.000</u></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. PHÂN LOẠI LẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số khoản mục trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020. Cụ thể như sau:

		Đơn vị tính: VND		
Mã số	Khoản mục	Số được trình bày trước đây	Phân loại lại	Số được phân loại lại
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng				
09	Tăng các khoản phải thu	(18.404.383.683)	(62.063.876.356)	(80.468.260.039)
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(10.000.000.000)	(51.930.000.000)	(61.930.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	28.794.275.673	145.993.876.356	174.788.152.029
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(3.092.280.000)	(32.000.000.000)	(35.092.280.000)

33. CAM KẾT VỀ THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty thuê địa điểm, mặt bằng kinh doanh theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, cam kết về tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai của Công ty theo các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	622.451.034.847	601.542.038.237
Từ 1 - 5 năm	1.505.983.967.034	1.847.413.103.383
Trên 5 năm	1.241.284.567.466	1.585.708.905.034
TỔNG CỘNG	3.369.719.569.347	4.034.664.046.654

Cam kết khác liên quan đến hợp đồng thuê hoạt động nêu trên

Theo một số hợp đồng thuê mặt bằng kinh doanh, Công ty có nghĩa vụ di dời tất cả các công trình xây dựng, vật kiến trúc, thiết bị trên mặt bằng cho thuê và trả lại mặt bằng kinh doanh nguyên trạng như tại thời điểm được bàn giao tại thời điểm kết thúc hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.



Ninh Thị Giang
Người lập/Kế toán trưởng



Đào Thế Vinh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2021



)

